

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM DƯƠNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 14-3-2024  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hanh và ông Phùng Quang Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, tạm trú: Số nhà G, đường T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 8 năm 2023, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào ngày 11/11/2004. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh C, đến năm 2005 thì vợ chồng ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **C** thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng chị, thậm chí còn đánh chị. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ hai lần, mỗi lần khoảng một tháng, sau đó anh **C** đến xin lỗi và đón chị về đoàn tụ. Đến tháng 9 năm 2023 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, anh **Cao I** tiếp tục đánh chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện nay chị đi làm và ở trọ ở Hà Nội, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C**.

Về con chung: Chị và anh **C** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh ngày 02/7/2005 và cháu **Nguyễn Thu N**, sinh ngày 03/11/2011. Hiện cháu **H1** đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu **N** đang ở với anh **C**. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **N**. Chị không yêu cầu anh **Cao cấp d** nuôi con chung. Hiện tại chị làm việc tại **Nhà máy I** thuộc **Công ty T**, thu nhập trung bình là 10.000.000đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Văn C** trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị **H** như chị **H** trình bày là đúng. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân, anh có nhắn tin, gọi điện và xuống nơi ở trọ của chị một lần để xin lỗi và đón chị về đoàn tụ nhưng chị không gặp. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị **H**, chị **H** xin ly hôn anh không đồng ý và xin được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung là cháu **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh ngày 02/7/2005 và cháu **Nguyễn Thu N**, sinh ngày 03/11/2011 như chị **H** trình bày. Nếu ly hôn anh xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **N**, anh không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu **H1** đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh làm việc tại **Công ty I1 - Cụm C - T - Vĩnh Phúc**, thu nhập trung bình là 9.000.000đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**,

cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thu N, sinh ngày 03/11/2011. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn C, anh C có nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng và đánh chị H. Từ tháng 9 năm 2023 đến nay anh chị sống ly thân, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Trong thời gian ly thân và trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến nay, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 02/7/2005 (đã thành niên) và cháu Nguyễn Thu N, sinh ngày 03/11/2011. Ly hôn chị H và anh C đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy cả anh C và chị H đều đủ điều kiện, đủ khả năng để nuôi con chung, nguyện vọng nuôi con của cả hai anh chị đều chính đáng, nhưng để đảm bảo sự phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý của cháu N nên giao cháu N cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Chị H không yêu cầu anh Cao cấp d nên không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H1 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Văn C**.
2. Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thu N**, sinh ngày 03/11/2011. Anh **Nguyễn Văn C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001531 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Dương.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Đạo Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Hoàng**